

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 11/8/2023.

Về việc: “tranh chấp nghĩa vụ
trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phương;

2. Ông Thông Minh Tấn;

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Duy Khánh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia
phiên tòa:** bà Cao Thị Nga

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST – DS ngày 15 tháng
5 năm 2023 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **bà C.T.Đ – sinh năm 1964 (có mặt)**

Địa chỉ: thôn 2 xã HC, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **Ông L.C.L – sinh năm 1980 (có mặt)**

bà L.T.S – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: thôn DC, xã HTh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **ông P.N.T –1963**

Địa chỉ: thôn 2 xã HC, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P.N.T: **bà C.T.Đ (có mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà C.T.Đ trình bày: bà có quen biết với vợ chồng ông L.C.L và bà L.T.S, trước đây bà có cho vợ chồng ông L. bà S. vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 09/02/2021 để làm kinh tế gia đình, không có thỏa thuận lãi suất,

Đến năm 2022 bà có khởi kiện ra Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam, thì vào ngày 07/4/2022 giữa bà với vợ chồng ông L. bà S. có thỏa thuận với nhau về việc trả nợ tại “giấy cam kết trả nợ” đề ngày 07/4/2022, bà với vợ chồng ông L.C.L và bà L.T.S cùng ký tên vào giấy, theo đó vợ chồng ông L. bà S. cam kết với bà sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà trong vòng 2 năm, đến ngày 01/5/2023 vợ chồng ông L. bà S. phải trả cho bà 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại phải trả dứt đến ngày 01/5/2024. Nếu vợ chồng ông L. bà S. vi phạm nghĩa vụ thì bà có quyền khởi kiện. tuy nhiên đến bây giờ vợ chồng ông L. bà S. tuy đã bán đất nhưng cô tình không trả nợ cho bà.

Khoản tiền 200.000.000 đồng mà bà cho vợ chồng ông L.C.L và bà L.T.S vay là tài sản chung của vợ chồng: bà và ông P.N.T.

Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L.C.L và bà L.T.S trả cho vợ chồng bà số tiền 200.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn L.C.L trình bày: ông vay tiền của bà C.T.Đ vào năm 2007 với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Lãi suất 5%/tháng, thành ra mỗi tháng ông trả lãi cho bà C.T.Đ số tiền 100.000 đồng. từ năm 2007 đến tháng 8/2020 ông đã trả cho bà C.T.Đ khoảng 8.000.000 đồng tiền lãi. Khi vay hai bên có lập giấy tờ, bà C.T.Đ giữ.

Đến tháng 8/2020 ông không trả lãi nữa nên bà C.T.Đ tính số tiền ông nợ bà Đ. là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), sau đó bà Đ. khởi kiện ông đến Tòa án vào năm 2022.

Vào ngày 07/4/2022 giữa vợ chồng ông với bà C.T.Đ có thỏa thuận với nhau về việc trả nợ, tại “Giấy cam kết trả nợ” ngày 07/4/2022 vợ chồng ông thừa nhận có mượn bà Đ. số tiền 200.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, đồng thời có cam kết với bà Đ. sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng trong vòng 2 năm, đến ngày

01/5/2023 vợ chồng ông phải trả bà Đ. 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại phải trả dứt đến ngày 01/5/2024.

Chữ ký đề tên “L.C.L” và “L.T.S” trong “Giấy cam kết trả nợ” ngày 07/4/2022 ông xác nhận đúng là chữ ký của ông L.C.L và vợ ông L.T.S.

Nay bà C.T.Đ khởi kiện thì vợ chồng ông đồng ý trả toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà C.T.Đ, tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên bà đề nghị bà C.T.Đ tạo điều kiện cho ông trả số tiền trên trong vòng 4 năm, mỗi năm vợ chồng ông trả 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà L.T.S trình bày: bà thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chồng bà ông L.C.L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P.N.T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

vụ án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông L.C.L và bà L.T.S trả cho bà C.T.Đ và ông P.N.T toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà C.T.Đ nộp đơn khởi kiện tranh chấp nghĩa vụ trả tiền với ông L.C.L và bà L.T.S có địa chỉ tại thôn DC, xã HTh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp nghĩa vụ trả tiền. Do đó, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L.C.L và bà L.T.S thanh toán cho bà C.T.Đ và ông P.N.T số tiền 200.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn C.T.Đ đã giao nộp cho Tòa án chứng cứ là bản chính “Giấy cam kết trả nợ” viết tay ngày 07/4/2022 có nội dung vợ chồng ông L.C.L và bà L.T.S thừa nhận có mượn bà Đ. số tiền 200.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, đồng thời có cam kết với bà Đ. sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng trong vòng 2 năm, đến ngày 01/5/2023 vợ chồng ông phải trả bà Đ. 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại phải trả dứt đến ngày 01/5/2024.

Quá trình giải quyết vụ án ông L.C.L và bà L.T.S đều thừa nhận chữ ký và chữ viết trong Giấy cam kết trả nợ do nguyên đơn cung cấp là của mình, thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả tiền như cam kết, đồng thời chấp nhận trả số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng đề nghị được trả trong hạn 4 năm, mỗi năm trả 50.000.000 đồng. việc này nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận

[3] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận định việc bị đơn ông L.C.L và bà L.T.S có vay và hiện còn nợ nguyên đơn bà C.T.Đ số tiền 200.000.000 đồng là có thật, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn ông L.C.L và bà L.T.S trả cho bà C.T.Đ ông P.N.T toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và các Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 275, 280 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.T.Đ, buộc bị đơn ông L.C.L và bà L.T.S trả cho bà C.T.Đ và ông P.N.T toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**** Về án phí:***

Ông L.C.L và bà L.T.S phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà C.T.Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0013350 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ